

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP CAO SU VN
**CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ
 MDF VRG - QUẢNG TRỊ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...31.../BCTN-MDFQT

Quảng Trị, ngày 4 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

NĂM 2020

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng Trị
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3200228141
- Vốn điều lệ: 551.135.970.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 551.135.970.000 đồng
- Địa chỉ: KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị
- Số điện thoại: 0533566978
- Số fax: 0533560482
- Website: mdffquangtri@mdffquangtri.vn
- Mã cổ phiếu: MDF

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG - Quảng Trị chuyên sản xuất ván sợi nhân tạo MDF được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3003000054 ngày 28 tháng 10 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp và được sửa đổi lần thứ 08 ngày 23 tháng 5 năm 2016.

Thành lập lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2005, với vốn điều lệ: **80 tỷ đồng**. Trong đó:

- Tổng Công ty Cao Su Việt Nam (góp 35% vốn điều lệ): 28 tỷ đồng
- Công ty XD và SX gỗ MDF COSEVCO (góp 40% vốn điều lệ): 32 tỷ đồng
- Công ty Cao Su Tân Biên (góp 15% vốn điều lệ): 12 tỷ đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 10% vốn điều lệ): 8 tỷ đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 3003000054 (sửa đổi lần thứ hai) ngày 05 tháng 10 năm 2007. **Vốn điều lệ: 346.000.000.000 đồng**. Trong đó:

- Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 75,79% V ĐL): 261.058.500.000 đồng
- Công ty Cao su Tân Biên (góp 9,78% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 10,32% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cổ đông CB-CNV công ty (góp 4,12% V ĐL): 14.174.950.000 đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3200228141 (sửa đổi lần thứ 5) ngày 29 tháng 6 năm 2010. **Vốn điều lệ: 344.460.000.000 đồng**. Trong đó:

- Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 75,79% V ĐL): 261.058.500.000 đồng
- Công ty Cao su Tân Biên (góp 9,78% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 10,32% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cá nhân: 14.174.950.000 đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3200228141 (sửa đổi lần thứ 7) ngày 09 tháng 10 năm 2014. **Vốn điều lệ: 450.398.970.000 đồng**. Trong đó:

- Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 81,46% V ĐL): 366.880.500.000 đồng
- Công ty Cao su Tân Biên (góp 7,48% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 7,89% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cá nhân: 14.174.950.000 đồng

Theo Giấy đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3200228141 (sửa đổi lần thứ 8) ngày 23 tháng 05 năm 2016. **Vốn điều lệ: 551.135.950.000 đồng.** Trong đó:

- Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN (góp 84,85% V ĐL): 467.617.480.000 đồng
- Công ty Cao su Tân Biên (góp 6,11% V ĐL): 33.671.550.000 đồng
- Công ty Cao Su Quảng Trị (góp 6,45% V ĐL): 35.555.000.000 đồng
- Cá nhân (góp 6,45% V ĐL): 14.291.920.000 đồng

Cổ phiếu của Công ty đã giao dịch trên sàn Upcom vào ngày 25 tháng 02 năm 2011.

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

3.1 Ngành nghề kinh doanh (thay đổi đăng ký lần 8)

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác
Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, Okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm khác từ gỗ)
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu ván nhân tạo (MDF, Okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm khác từ gỗ); gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện
Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ
- Trồng rừng và chăm sóc rừng
Chi tiết: Trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông sản, lâm sản
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ; xe, máy móc thiết bị, phụ tùng
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán; phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
Chi tiết: Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Đại lý môi giới đầu giá
Chi tiết: Đại lý môi giới
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
Chi tiết: Tư vấn đầu tư
- Xây dựng nhà các loại
Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp
- Chuẩn bị mặt bằng
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán
Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ

Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu

- Khai thác gỗ

Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

Chi tiết: Kinh doanh khách sạn

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động

Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng

- Lắp đặt hệ thống điện

Chi tiết: Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ; giáo dục đào tạo

3.2 Địa bàn kinh doanh

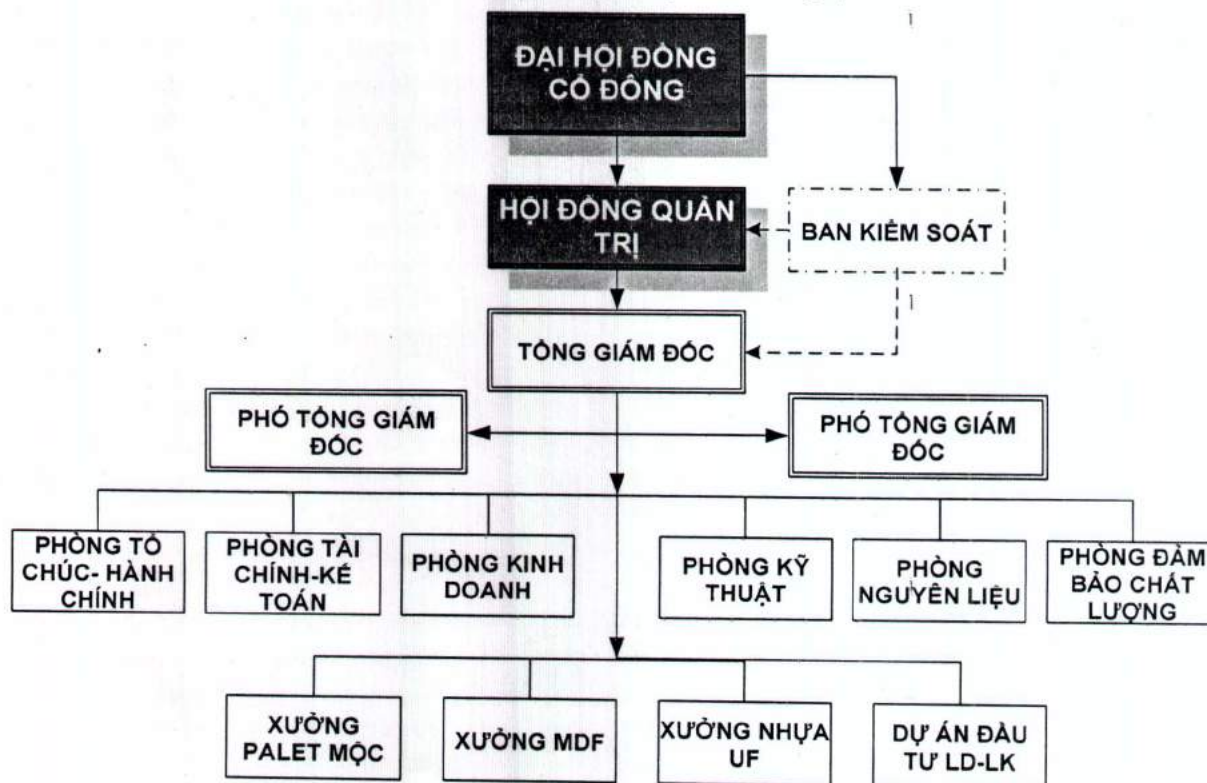
Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng trị kinh doanh sản phẩm gỗ MDF trên cả thị trường trong nước lẫn thị trường quốc tế. Sản phẩm gỗ MDF từ chỗ tiêu thụ 100% ở trong nước đến năm 2012 xuất khẩu 42,6% trong tổng doanh số. Thị trường xuất khẩu chủ yếu các nước Trung đông như Ấn độ, Pakistan vv... Châu Âu, Nhật bản, Thị trường trong nước tiêu thụ chủ yếu ở TP HCM, Hà Nội xuất cho các đơn vị gia công thành các sản phẩm đồ dùng rồi xuất tiếp tiêu thụ các nước trên thế giới.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty là Công ty con của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam, Công ty được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá X kỳ họp thứ V thông qua ngày 29/11/2005 nay là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay bao gồm: Tại trụ sở hoạt động của Công ty gồm Văn phòng Công ty và 03 xưởng sản xuất gồm: xưởng Palet mộc, Xưởng MDF, Xưởng Nhựa UF.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



5. Định hướng phát triển

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Quản lý chặt chẽ chi phí giá thành, đảm bảo kinh doanh có lãi; bảo toàn, phát triển được vốn và tài sản của Công ty. Tối đa hóa hiệu quả hoạt động của Công ty. Vì quyền lợi của các cổ đông, khách hàng và người lao động.

+ Sản xuất đi đôi với việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

+ Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh có thể mạnh: Nâng cao sản lượng sản phẩm nhựa keo UF không những đảm bảo cho việc sản xuất sản phẩm chính gỗ MDF của Công ty mà còn tiêu thụ ra bên ngoài.

+ Trực tiếp sản xuất nguyên liệu đầu vào Formaline, Keo UF cung cấp cho sản xuất gỗ MDF của công ty và bán ra ngoài.

+ Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động chuyên sâu về sản xuất hoàn thiện chi tiết sản phẩm từ ván MDF, nâng cao giá trị trong sản xuất gia công chế biến như phủ mặt ván MDF bằng sơn, bằng melamine, vv..., sản xuất gia công chế biến hoàn thiện các chi tiết từ gỗ rừng, các mặt hàng trang trí nội thất đồ gỗ nhằm không ngừng phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.

+ Tạo thu nhập ổn định, lâu dài và giải quyết việc làm cho cho 400 CB-CNV cán bộ công nhân viên.

+ Nâng cao và phát triển văn hoá doanh nghiệp.

+ Mục tiêu chủ yếu năm 2021:

- Lợi nhuận trước thuế	:	33.301.381.130 đồng
- Doanh thu	:	977.973.896.558 đồng
- Sản lượng sản xuất	:	210.000 m ³ gỗ MDF

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

* Phát triển nguồn nguyên liệu và tài nguyên đất:

Công ty đã có chiến lược liên doanh liên kết với các Tổ chức, Lâm trường trên địa bàn Quảng Trị về việc đầu tư trồng rừng nguyên liệu cho dự án MDF dây chuyền 2 và dây chuyền 1.

Nâng cấp hoàn thiện dây chuyền 1 về chà bóng, hệ thống phun keo nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đầu tư nâng cấp triển khai sản xuất nhựa keo UF để sản xuất gỗ MDF đạt tiêu chuẩn Carp1, Carp0 phù hợp với yêu cầu tiêu dùng ngày càng cao theo quy định của tiêu chuẩn quốc tế, sản xuất keo cho gỗ MDF không thấm nước, MDF chống cháy.

* Về thị trường tiêu thụ:

Chiến lược thị trường tiêu thụ sản phẩm MDF của Công ty là cạnh tranh và đẩy lùi các sản phẩm MDF nhập ngoại tương đương như MDF Malaysia, MDF Thailand, MDF Trung Quốc... nhằm chiếm lĩnh thị phần trong nước.

Công ty có chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu 20% - 50% tổng sản phẩm sản xuất gỗ MDF VRG Quảng Trị nhằm phát triển và khẳng định thương hiệu sản phẩm của Công ty trên thế giới cũng như trong nước. Đồng thời gia tăng lợi nhuận của Công ty và tạo nguồn ngoại tệ cho việc nhập thiết bị. Và từ việc tiêu thụ khó khăn, không xuất khẩu được đồng nào đến năm 2010, 2011 lần lượt xuất khẩu 15%, 20% và đến năm 2012 xuất khẩu đạt trên 40% doanh số.

* **Về tài chính:** Luôn luôn bảo toàn và phát triển vốn, các chỉ tiêu tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, bảo đảm hài hoà lợi ích giữa người lao động, nộp ngân sách Nhà nước và cổ tức cho cổ đông.

6. Các nhân tố rủi ro

a. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về tăng trưởng kinh tế: Kinh tế Việt Nam sau nhiều năm tăng trưởng cao (GDP 5 năm từ 2002 – 2007 đều trên 7%) đã giảm tốc kể từ năm 2008 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái toàn cầu, tăng trưởng giai đoạn 2008-2012 bình quân chỉ đạt 5,90%. Trong khi đó, tăng trưởng GDP lại có khuynh hướng giảm trong 3 năm vừa qua 2011-2012, 2013 (lần lượt 5,89% và 5,03%, 5,42). Điều này cho thấy kinh tế Việt Nam vẫn trong giai đoạn khó khăn và chưa thể trở lại giai đoạn tăng trưởng mạnh. Năm 2018 chiến tranh thương mại giữa các nước lớn làm cho kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều rủi ro.

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị là doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng với sản phẩm chủ lực là gỗ MDF, do vậy hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào tăng trưởng kinh tế và thu nhập bình quân đầu người. Khi nền kinh tế tăng trưởng mạnh, thu nhập của người dân cao, đời sống vật chất được đảm bảo thì nhu cầu xây dựng cao ốc, xây dựng nhà cửa, mua sắm các mặt hàng trang trí nội thất bằng gỗ cao cấp, ván sàn... tăng cao tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Công ty. Do vậy, trong điều kiện nền kinh tế khó khăn, hoạt động của Công ty sẽ gặp nhiều thách thức. Tuy nhiên, với kinh nghiệm hoạt động trong ngành kinh doanh gỗ nhiều năm, Công ty luôn có các biện pháp đối phó để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của nền kinh tế đến hoạt động sản xuất của Công ty

Rủi ro về lạm phát: Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát xảy ra do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là từ việc điều hành kinh tế vĩ mô và nguyên nhân khách quan từ thị trường thế giới. Tăng giảm lạm phát sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của doanh nghiệp và ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Kể từ nửa cuối năm 2010, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) liên tục tăng, CPI năm 2010-2011 lần lượt ở mức 11,75%, 18,13%. (Nguồn số liệu: Tổng cục Thống kê – www.gso.gov.vn).

Lạm phát tăng cao gây khó khăn cho tất cả các thành phần trong nền kinh tế, và MDF cũng ít nhiều chịu ảnh hưởng bởi rủi ro này. Mặc dù, Chính phủ đã thực thi nhiều biện pháp nhằm kiềm chế lạm phát và đạt được những tín hiệu khả quan khi chỉ số CPI năm 2012 năm 2013 giảm mạnh lần lượt ở mức 6,18% và 6,83% so với cùng kỳ; lãi suất giảm từ 17-18% xuống còn 12-14% nhưng một số mặt hàng trực tiếp đầu vào sản xuất gỗ MDF như gỗ rừng trồng, keo UF, nhũ tương, điện, xăng dầu vv... tăng giá liên tục qua các tháng và bình quân năm khiến giá thành sản xuất tăng. Tuy vậy, thông qua cải tiến công nghệ, kiểm soát tốt và giảm dần định mức tiêu hao nguyên liệu chính, nguyên vật liệu đóng kiện, Công ty có khả năng hạn chế ảnh hưởng việc tăng giá đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Rủi ro về luật pháp

Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các luật, nghị định... liên quan Luật Doanh nghiệp và các Luật khác có liên quan như Luật Thuế, Luật chứng khoán, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới; đồng thời phải chịu sự điều chỉnh bởi các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Cục Chế biến, Thương mại, nông lâm thủy sản và nghề muối. Do vậy, bất kỳ một sự thay đổi nào trong các quy định pháp luật này đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam còn nhiều bất cập nhất là các văn bản pháp luật điều chỉnh về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Là một Công ty có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Upcome tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, MDF phải tuân thủ theo các qui định đó và có khả năng gặp vướng mắc trong các vấn đề về phát hành chứng khoán ảnh hưởng đến tiến độ sử dụng vốn.

Mặc khác, Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị chuyên sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo, nên ngoài việc ảnh hưởng bởi các yếu tố có liên quan đến

luật trong nước còn ảnh hưởng bởi luật pháp quốc tế. Tuy nhiên, khi mở rộng, phát triển thêm thị trường xuất nhập khẩu và mở rộng thị trường nội địa thì việc kinh doanh của Công ty sẽ an toàn hơn, sẽ làm giảm tác động ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty khi có biến động ở một nước

c. Rủi ro đặc thù

Rủi ro thị trường: Trong bối cảnh khi Việt Nam đã gia nhập WTO, TPP thị trường Việt Nam rất sôi động với nhiều tập đoàn lớn bán lẻ ở nước ngoài. Những tập đoàn này không chỉ kinh doanh bán lẻ mà còn sản xuất hàng tiêu dùng tại đây để tận dụng nguồn nhân lực và tiết giảm chi phí. Với công nghệ hiện đại, nguồn vốn mạnh, nguồn nguyên liệu tốt và kinh nghiệm quản lý sản xuất, sản phẩm của các tập đoàn này sẽ cạnh tranh tốt trên thị trường về cả chất lượng lẫn giá cả. Tuy phân khúc thị trường có thể khác nhau nhưng ngành hàng sản xuất từ gỗ MDF của Công ty cũng sẽ gặp ít nhiều khó khăn hơn, đòi hỏi phải nâng cao chất lượng và cung cấp giá cả cạnh tranh hơn rất nhiều mới có thể giữ vững được khách hàng mục tiêu đang có.

Rủi ro lãi suất: Với những dự án mà Công ty đang dự định triển khai, việc huy động vốn dưới hình thức đi vay là một lựa chọn phải thực hiện. Trong điều kiện đó, sự biến động của lãi suất ngân hàng sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí đầu vào của Công ty. Nếu lãi suất biến động theo chiều hướng tăng lên, chi phí lãi vay sẽ cao, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả sản xuất của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020 là năm đầy những biến động thách thức và khó khăn từ tác động kép của dịch bệnh và thiên tai. Ngay những tháng đầu năm dịch bệnh (covid-19) đã lan rộng, ảnh hưởng bao trùm lên toàn bộ nền kinh tế, mọi hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ, sinh hoạt của người dân bị hạn chế, bức tranh kinh tế rất ảm đạm, tăng trưởng kinh tế thế giới âm, rất ít nước có tăng trưởng dương. Vì vậy ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị cụ thể:

Sản phẩm sản xuất ra không tiêu thụ được, tồn kho tăng cao đạt mức kỷ lục từ trước tới nay trên 22.000 m³, doanh số giảm sút nghiêm trọng, đời sống cán bộ CNV không đảm bảo, ngày công lao động phải cắt giảm để luân phiên nhau duy trì tồn tại, tinh thần bị giao động bởi dịch covid-19 rất nghiêm trọng. Từ đó kết quả sản xuất của Công ty trong 6 tháng đầu năm chỉ đạt 31% kế hoạch đề ra, về kinh doanh tất cả các chỉ số doanh thu, sản lượng tiêu thụ giảm sút 30% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả kinh doanh thua lỗ đến 5,23 tỷ đồng.

Qua tháng 7 kinh tế dần khởi sắc trở lại, các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tiến triển theo chiều hướng tốt, thì tháng 8 bóng đen covid-19 quay trở lại tại Đà Nẵng và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thêm lần nữa nên Công ty vốn đã khó khăn nay lại khó khăn thêm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn thấp.

Ảnh hưởng đến công tác tiêu thụ sản phẩm của Công ty là công tác vận chuyển hàng hóa giao đến khách hàng trên các thị trường. Nguyên nhân do phía Trung Quốc đưa ra chính sách hạn chế biên giới để hạn chế lây lan virus Corona nên các xe vận tải không trả hàng được, Công ty không thể giao hàng hóa đến khách hàng dẫn đến sản lượng tồn kho tăng lên rõ rệt, bên cạnh đó các nhà xe cũng yêu cầu tăng giá cước vận chuyển để đảm bảo đủ chi phí, nếu không tăng giá cước họ sẽ kết hợp các đơn vị khác trả cước vận chuyển cao hơn và thanh toán ngay nên lượng xe về đóng hàng cho công ty không đủ, ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ giao hàng. Đến lúc tiêu thụ khởi sắc thì Công ty lại khan hiếm phương tiện vận chuyển do các đối tác tập trung vận chuyển những nơi có giá cước cao hơn.

Bên cạnh những yếu tố trên, vấn đề thanh toán công nợ của khách hàng trong thời điểm này thực sự là khó khăn. Công ty đã nhận được nhiều công văn từ khách hàng về việc xin kéo

giãn công nợ thanh toán lên 30 ngày đến 60 ngày các hóa đơn đến hạn thanh toán do hoạt động sản xuất, bán hàng diễn ra khá chậm và việc thu hồi công nợ khó khăn và lượng hàng hóa sản phẩm tồn kho nhiều.

Tuy gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2020. Nhưng kết quả đạt được vượt ngoài kỳ vọng, đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu lợi nhuận mà Tập đoàn CNCS Việt Nam giao cụ thể như sau:

1.1 Tình hình sản xuất năm 2020:

Sản xuất gỗ MDF: Năm 2020 công ty chứng kiến thời gian ngừng sản xuất chưa từng có, do ảnh hưởng bởi covid-19, 7 tháng đầu năm 2020 phải ngừng máy đạt kỷ lục, 88 ngày gần 3 tháng, hiệu suất sản xuất chỉ đạt 57%, kinh doanh thua lỗ. Trước bối cảnh khó khăn trên Công ty (đặc biệt Ban lãnh đạo) ngày đêm trăn trở tìm cách làm thế nào để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những suy nghĩ tích cực đó toàn bộ Lãnh đạo và CBCNV ngày đêm tìm tòi, cải tiến hiệu chỉnh dây chuyền thiết bị, khắc phục những lỗi của sản phẩm, nâng cao công suất dây chuyền, chất lượng sản phẩm, tiết kiệm tối đa sản phẩm hỏng, cắt giảm tiêu hao dư gia công không cần thiết trong thời gian nghỉ Covid. Vì vậy 5 tháng cuối năm 2020 sản phẩm sản xuất đạt chất lượng cao, giá thành sản xuất thấp, công suất sản xuất của dây chuyền nâng cao và vượt 30% công suất thiết kế nên đạt được kết quả là:

Tổng sản lượng sản xuất của cả 2 dây chuyền: 179.753,13 m³ đạt 88% kế hoạch được giao, bằng 87,53% so với năm trước (205.371 m³).

Chất lượng sản phẩm đạt chiếm 99,86% cao hơn năm trước 0,16% (năm trước đạt 99,71%).

Ván hỏng (bóng khí): chỉ đạt 0,14% thấp hơn năm trước 0,16%.

Sản xuất keo UF các loại: Sản lượng sản xuất keo năm 2020 đạt 26.197 tấn giảm 14% so năm trước (30.491 tấn) với tổng chi phí 164,71 tỷ đồng đạt giá thành sản xuất bình quân 6.287 đồng/kg giảm 12% so với năm 2019 (7.165 đồng/kg).

Trong tổng số 26.197 tấn keo các loại, Công ty xuất bán ra bên ngoài 6.117 tấn doanh số 43,64 tỷ đồng với giá bán bình quân 7.135 đồng/kg mang lại lợi nhuận từ kinh doanh keo 10,69 tỷ đồng.

Sản xuất formandehyde: Xưởng formandehyde năm 2020 công ty tổ chức sản xuất 15.742 tấn các loại đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất keo của công ty. Giá thành sản xuất for các loại 4.371 đồng/kg giảm 15% so năm trước 5.157 đồng/kg.

1.2. Tình hình kinh doanh:

Tất cả các yếu tố về giá bán, tiêu thụ đều giảm sâu so với cùng kỳ năm trước. Nhưng trong sản xuất công ty tiết kiệm tối đa chi phí, đặc biệt chú trọng sản xuất phải đạt chất lượng, hạn chế thấp nhất sản phẩm hư hỏng. Nhưng ảnh hưởng covid-19 trên phạm vi toàn cầu nên việc tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn, việc sản xuất kinh doanh phải ngưng trệ, vì vậy tất cả các chỉ tiêu thực hiện năm 2020 so năm trước cụ thể sau:

TT	Chỉ tiêu khối lượng	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	So năm trước
1	Sản lượng sản xuất gỗ	m3	179.753,13	205.371,00	88%
	Sản lượng SX gỗ MDF đạt	m3	179.507,76	204.772,00	88%
	Sản lượng gỗ MDF hỏng	m3	245,37	599,00	41%
2	Sản lượng tiêu thụ gỗ	m3	190.869,47	190.032,77	100%
	Nội địa	m3	182.902,09	170.237,77	107%
	Xuất khẩu	m3	7.967,38	19.795,00	40%
	KQ KINH DOANH				
1	Doanh thu	Tr đ	917.711	1.006.103	91%
-	Doanh thu SXKD gỗ MDF	Tr đ	869.863	945.824	92%

	Xuất khẩu	Tr đ	41.453	107.637	39%
	Nội địa	Tr đ	828.410	838.188	99%
-	Doanh thu Keo	Tr đ	43.644	58.830	74%
-	Doanh thu HĐTC	"	576	1.196	48%
-	Doanh thu khác	"	3.628	253	1433%
2	Tổng chi phí	"	886.026	971.614	91%
-	Chi phí SXKD gỗ MDF	"	798.407	859.072	93%
-	Giá vốn gỗ MDF	"	725.926	758.132	96%
-	Chi phí QLDN	"	12.032	16.685	72%
-	Chi phí bán hàng	"	60.450	84.254	72%
-	Chi phí kinh doanh keo	"	32.956	46.873	70%
-	Chi phí tài chính	"	50.680	65.504	77%
-	Chi phí khác	"	3.983	165	2419%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	31.685	34.490	92%

Tổng phải nộp ngân sách năm 2020 là: 65.116.631.062 đồng
 Số đã nộp trong năm: 61.843.435.328 đồng trong đó:
 + Nộp tại ngân sách địa phương tỉnh: 55.921.595.362 đồng
 + Thuế hàng nhập khẩu: 5.921.839.966 đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành, lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

2.1.1 Tổng giám đốc

Họ và tên	Ông Cao Thanh Nam
Giới tính	Nam
Ngày sinh	10/12/1965
Nơi sinh	Diễn Cát, Diễn Châu, Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến lâm sản
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	8.272.039 cổ phần (15%) <ul style="list-style-type: none"> Sở hữu cá nhân: 5.000 cổ phần (0,0091%) Đại diện phần vốn Nhà nước: 8.267.039 cổ phần (15%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Vợ - Tạ Thị Tâm: 1.900 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0034% trên vốn điều lệ.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

2.1.2 Phó tổng giám đốc

Họ và tên	Ông Nguyễn Văn Công
-----------	---------------------

Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/02/1964
Nơi sinh	Vĩnh Thành, Vĩnh Linh, Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	27.500 cổ phần (0,0499%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> Sở hữu cá nhân: 27.500 cổ phần (0,0499%) Đại diện phần vốn Nhà nước: 0 cổ phần (0%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

2.1.3 Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Ông Nguyễn Thế Mai
Giới tính	Nam
Ngày sinh	16/7/1975
Nơi sinh	Nghi Phương - Nghi Lộc - Nghệ An
Địa chỉ thường trú	Phường I - TP Đông Hà - Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến lâm sản
Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

2.1.4 Kế toán trưởng

Họ và tên	Ông Nguyễn Mạnh Cường
Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/04/1974
Nơi sinh	Vĩnh Thành - Vĩnh Linh - Quảng Trị

Địa chỉ thường trú	Đông Lương - Đông Hà - Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	3.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0054% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Vợ - Ngô Thị Uyên Nhi: 700 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0013% trên vốn điều lệ.
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

2.2 Cán bộ nhân viên công ty và chính sách đối với người lao động

Công ty luôn chú trọng đến đời sống của người lao động, với phương châm “người lao động và lợi nhuận là mục tiêu hàng đầu của Công ty” nên thu nhập của toàn bộ CBCNV trong công ty gắn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Cổ đông, Người lao động và nghĩa vụ nộp thuế.

Các chế độ chính sách như BHXH, BHYT, BHTN, Kinh phí công đoàn vv... theo quy định của pháp luật. Công ty trích nộp đầy đủ, đúng hạn theo quy định.

Bên cạnh đó phát huy vai trò của các tổ chức trong đó có tổ chức công đoàn nhằm quan tâm, chăm lo đến đời sống của người lao động, xây dựng một tập thể đoàn kết, gắn bó lâu dài với Công ty.

Tổng số cán bộ CNV toàn công ty đến 31/12/2020: 410 người trong đó:

- Cán bộ quản lý: 5 người
- Lao động trực tiếp : 354 người
- Lao động gián tiếp : 51 người

Thu nhập của CBCNV bình quân: 9.415.245 đồng/người/tháng. Trong đó:

Thực hiện đơn giá tiền lương theo kết quả kinh doanh trong năm 2020 Công ty thực hiện tổng quỹ tiền lương 41.316.818.580 đồng, lương Ban TGD, KTT, trưởng Ban Kiểm soát 1.313.271.985 đồng

Lương nghỉ phép năm đạt: 655.379.800 đồng.

Tiền ăn ca năm 2020: 2.661.647.500 đồng.

Phụ cấp độc hại: 375.886.000 đồng

3. Tình hình đầu tư XDCB.

Năm 2020 công tác xây dựng cơ bản của công ty thực hiện không đáng kể, chỉ cải tạo, sửa chữa những hạng mục nhỏ lẻ, giá trị không lớn như cải tạo tường chắn kho dăm, mương thoát nước, vv...

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đối với nợ dài hạn đầu tư dây chuyền 2 vay ngân hàng 681 tỷ đồng nhưng đến nay trong thời gian ngắn đã trả được 347,4 tỷ đồng xuống còn 333,6 tỷ đồng vượt kế hoạch trả nợ giai đoạn 2015-2020 (320 tỷ) trên 27,4 tỷ đồng.

Đối với nợ ngắn hạn dư nợ đầu năm 1/1/2020 là 442,11 tỷ đồng đến 31/12/2020 dư nợ giảm xuống còn 343,885 tỷ đồng giảm 98,22 tỷ đồng.

Tổng tài sản của công ty năm 2020 đạt mức 1.280,27 tỷ đồng giảm 13,01% so với năm trước.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2020 công ty thu được 31,685 tỷ đồng giảm 9,08% so năm trước cụ thể sau:

T T	Chi tiêu	Năm 2020	Năm 2019	% Tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	1.280.267.690.174	1.471.731.188.319	-13,01%
2	Doanh thu thuần	917.711.024.105	1.006.103.432.376	-8,79%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.039.993.228	34.400.933.623	-6,86%
4	Lợi nhuận khác	-355.241.320	88.589.159	-501,00%
5	Lợi nhuận trước thuế	31.684.751.908	34.489.522.782	-8,13%
6	Lợi nhuận sau thuế	25.021.805.753	27.520.307.424	-9,08%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019	Tỷ lệ thay đổi
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:				
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	0,876	0,954	-8%
+ Hệ số thanh toán nhanh:				
TSLĐ - Hàng tồn kho	Lần	0,337	0,406	-17%
Nợ ngắn hạn				
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,465	0,546	-15%
+ Vốn CSH/Tổng tài sản	%	0,535	0,454	18%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,870	1,203	-28%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho:				
Giá vốn hàng bán	Vòng	4,348	3,441	26%
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	0,786	0,718	10%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,027	0,028	-2%
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,040	0,044	-9%
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	%	0,021	0,020	7%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	%	0,034	0,036	-4%

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) **Cổ phần:** Tổng số cổ phiếu đang lưu hành hiện tại là 55.135.595 cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/Cổ phần và tất cả đều là cổ phiếu phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông: Danh sách cổ đông nắm giữ vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.

- Danh sách cổ đông sáng lập

Công ty được thành lập ngày 25 tháng 10 năm 2005. Đến thời điểm hiện tại, cổ đông sáng lập của Công ty đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng theo quy định Luật doanh nghiệp.

- Danh sách cổ đông nắm giữ vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2020:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ	Ghi chú
1	Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su VN	46.761.748	84,85%	
	Đại diện: Ông Trương Minh Trung	24.165.096	43,85%	Chủ tịch HĐQT
	Ông Đỗ Hữu Phước	14.329.613	26,00%	Thành viên HĐQT
	Ông Cao Thanh Nam	8.267.039	15,00%	Thành viên HĐQT
2	Công ty Cao Su Tân Biên Đại diện: Ông Huỳnh Duy Hiến	3.367.155	6,11%	Thành viên HĐQT
3	Công ty Cao Su Quảng Trị Đại diện: Ông Nguyễn Chơn Biên	3.555.500	6,45%	Thành viên HĐQT
4	Các cổ đông là cá nhân	1.429.192	2,59%	
Tổng Cộng		55.113.895	100%	

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn đồng thời là cổ đông nhà nước:

b1 Cổ đông trong nước

* Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam - Công ty cổ phần là Công ty mẹ của MDF.

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam được thành lập theo Quyết định 248/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm hình thành Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và Quyết định số 249/2006/QĐ-TTg ngày 30/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 469/QĐ-TTg về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Ngày 05/01/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ra quyết định số 38/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015.

Ngày 26/12/2017, Thủ tướng phê duyệt phương án cổ phần hóa – Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam. Ngày 22/05/2018 Tập đoàn tổ chức Đại hội Cổ đông lần đầu ra mắt Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần và chính thức chuyển qua hoạt động theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/06/2018.

Ngành, nghề kinh doanh:

Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mù cao su;

Sản xuất kinh doanh các sản phẩm gỗ;
 Sản xuất kinh doanh sản phẩm công nghiệp cao su;
 Đầu tư, kinh doanh kết cấu hạ tầng và bất động sản;
 Đầu tư nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Địa chỉ trụ sở chính: 177 Hai Bà Trưng, phường 6 Quận 3 TP HCM
 Vốn điều lệ: 40.000.000.000.000 đồng.
 Địa chỉ: 177 Hai Bà Trưng - Q.3 - TP. HCM, Việt Nam.
 Giấy CNĐKKD: 0301266564 do sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu 30/6/2010, thay đổi lần thứ 4 ngày 1/06/2018.

Số lượng cổ phần và tỷ lệ nắm giữ của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG – Quảng Trị đến 31/12/2016 là: **46.761.748 cổ phần** chiếm tỷ lệ **84,85%** vốn điều lệ của MDF:
 Trong đó: Sở hữu nhà nước: 46.761.748 CP - Tỷ lệ 84,85%

*** Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị:**

Địa chỉ trụ sở chính: 264 Hùng Vương - Phường Đông Lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
 Vốn điều lệ: 41.329.787.841 đồng.
 Ngành nghề kinh doanh: Trồng trọt, công nghiệp, hoá chất phân bón và cao su...
 Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 3.555.500 CP - Tỷ lệ 6,45%
 Trong đó: Sở hữu nhà nước: 3.555.500 CP - Tỷ lệ 6,45%

*** Công ty cổ phần Cao su Tân Biên:**

Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Thạnh Phú, xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
 Vốn điều lệ: 879.450.000.000 đồng.
 Ngành nghề kinh doanh: Trồng trọt, công nghiệp, hoá chất phân bón và cao su.
 Số lượng cổ phần sở hữu trong công ty: 3.367.155 CP - Tỷ lệ 6,11%
 Trong đó: Sở hữu nhà nước: 3.367.155 CP - Tỷ lệ 6,11%

b2 Cổ đông nước ngoài: Không

c. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2020

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (Ngàn VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông trong nước	215	55.104.095	551.040.950	99,98
	Cổ đông tổ chức	03	53.684.403	536.844.030	97,41
	Cổ đông cá nhân	208	1.429.192	14.291.920	2,59
2	Cổ đông nước ngoài				
	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
Tổng cộng			55.113.595	551.135.950	100

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1 Quản lý nguồn nguyên liệu:

a) Tổng lượng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

Nguyên liệu chính để sử dụng sản xuất gỗ MDF từ gỗ rừng trồng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và các tỉnh lân cận ngoài nguyên liệu gỗ rừng trồng công ty còn sử dụng, Methanol, Ure và các hóa chất khác để sản xuất Keo UF làm nguyên liệu sản xuất gỗ MDF.

Năm 2020 tổng lượng nguyên liệu sử dụng cho sản xuất gỗ MDF trên 325.113 tấn các loại từ gỗ rừng trồng.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên liệu được tái chế để sử dụng sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức:

Công ty không loại bỏ bất cứ một nguyên liệu nào đã nhập về công ty. Nếu có nguyên liệu nào không sản xuất được hoặc các bao bì không làm nguyên liệu được thì công ty sử dụng để đốt lò lấy năng lượng cho sản xuất.

6.2 Tiêu thụ năng lượng:

Công ty tiêu thụ năng lượng thông qua hệ thống đốt lò trực tiếp cung cấp nhiệt lượng cho dây chuyền sản xuất. Đồng thời sử dụng điện năng từ lưới điện quốc gia. Năm 2020 sử dụng 56.883.952 Kw điện năng.

6.3 Tiêu thụ nước:

Công ty sử dụng nước từ nguồn nước của các công ty nước trên địa bàn tỉnh Quảng trị và khối lượng nước sử dụng trong năm 2020: 125.971 m³.

6.4 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty tuân thủ tuyệt đối về pháp luật bảo vệ môi trường và hoạt động của công ty được các cơ quan bảo vệ môi trường giám sát thường xuyên nên trong năm không bị xử phạt.

6.5 Chính sách liên quan đến người lao động:

- Tổng số lao động năm 2020 nâng lên 395 người với tiền lương bình quân 9.415.215 đồng/người/tháng.

6.6 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Tham gia và ủng hộ đầy đủ các chương trình từ thiện, đền ơn đáp nghĩa do tỉnh phát động.

6. Nghĩa vụ nộp Ngân sách:

Tổng phải nộp ngân sách năm 2020 cho ngân sách nhà nước lớn nhất từ trước đến nay với số tiền đã nộp: 61,843 tỷ đồng.

+ Nộp tại ngân sách địa phương tỉnh 55.921.595.362 đồng

+ Thuế hàng nhập khẩu: 5.921.839.966 đồng.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC:

1. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tình hình tiêu thụ kinh doanh năm 2020 hết sức khó khăn, giá bán giảm liên tục từ đầu năm đến cuối năm, sản lượng tiêu thụ chậm do cạnh tranh gay gắt về giá bán giữa các nhà máy sản xuất trong nước. Trước tình hình đó Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty đã nỗ lực phấn đấu gia tăng sản lượng sản xuất, tiết giảm chi phí, kiểm soát định mức tiêu hao nguyên liệu để giảm giá thành sản phẩm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đồng thời hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận đề ra cụ thể

TT	Chỉ tiêu khối lượng	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ so kế hoạch
1	Sản lượng sản xuất gỗ	m3	204.000	179.753,13	88%
	Sản lượng SX gỗ MDF đạt	m3	203.269	179.507,76	88%

	Sản lượng gỗ MDF hồng	m3	731	245,37	34%
2	Sản lượng tiêu thụ gỗ	m3	200.115	190.869,47	95%
	Nội địa	m3	178.953	182.902,09	102%
	Xuất khẩu	m3	21.162	7.967,38	38%
KQ KINH DOANH					
1	Doanh thu thuần	Tr đ	1.011.827	917.711	91%
-	Doanh thu SXKD gỗ MDF	Tr đ	986.260	869.863	88%
	Xuất khẩu	Tr đ	113.651	41.453	36%
	Nội địa	Tr đ	872.609	828.410	95%
-	Doanh thu Keo	Tr đ	25.567	43.644	171%
-	Doanh thu HĐTC	"	-	576	
-	Doanh thu khác	"	-	3.628	
2	Tổng chi phí	"	980.704	886.026	90%
-	Chi phí SXKD gỗ MDF	"	909.158	798.407	88%
	Giá vốn gỗ MDF	"	800.712	725.926	91%
	Chi phí QLDN	"	19.121	12.032	63%
	Chi phí bán hàng	"	89.325	60.450	68%
-	Chi phí kinh doanh keo	"	22.053	32.956	149%
-	Chi phí tài chính	"	49.494	50.680	102%
-	Chi phí khác	"	-	3.983	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr đ	31.122	31.685	102%

Tổng doanh thu năm 2020 được 917,711 tỷ đồng đạt 91% kế hoạch năm;

Lợi nhuận: Kết quả kinh doanh trước thuế năm 2020: 31,685 tỷ đồng hoàn thành 102% kế hoạch lợi nhuận năm 2020;

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm: - không.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai:

Trên thị trường Việt Nam, gỗ MDF hiện nay chủ yếu nhập về từ Malaysia, Indonexia, Thái Lan, một phần nhỏ xuất xứ từ Trung Quốc có chất lượng kém hơn.

Gỗ MDF có xuất xứ tại Việt Nam là gỗ MDF Gia lai, MDF Tân Việt-Trung và MDF Quảng Trị, theo đánh giá chung chất lượng của MDF Việt trung có chất lượng kém hơn cả và có xu hướng sản xuất theo đơn đặt hàng chất lượng thấp để cạnh tranh giá nhằm vào các khách hàng có thu nhập thấp sử dụng.

Nhu cầu sử dụng gỗ MDF tại thị trường Việt Nam bình quân vào khoảng 150 ngàn m³/tháng; 1.800 ngàn m³/năm. Như vậy việc mở rộng công suất của nhà máy lên gấp đôi chỉ đáp ứng khoảng 6-7% nhu cầu thị trường trong năm.

Xét về giá, mặt hàng MDF nhập khẩu vào Việt nam (trừ MDF Trung Quốc) cao hơn MDF VRG Quảng Trị từ 3 - 5% trong khi chất lượng hàng hóa gần như tương đương, chênh lệch không đáng kể.

Triển vọng về tiêu thụ sản phẩm gỗ MDF trong nước cũng như xuất khẩu trong vài năm tới là rất lớn. Hiện công ty sản xuất đến đâu tiêu thụ đến đó, không những tiêu thụ hết mà còn nhiều đơn đặt hàng xuất khẩu lớn không đáp ứng kịp, trong tương lai phải đầu tư thêm nhiều nhà máy sản xuất gỗ MDF nữa để bù lượng thiếu hụt phải nhập khẩu.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của công ty

Hội đồng quản trị công ty đánh giá cao về các mặt hoạt động thực hiện hoàn thành và vượt kế hoạch các chỉ tiêu trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời giữ ổn định thu nhập đảm bảo đời sống vật chất lẫn tinh thần cho cán bộ công nhân viên công ty trong năm 2020. Tạo động lực cho phát triển sản xuất kinh doanh cho những năm tiếp theo.

2. Đánh giá Hội Đồng Quản Trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hoạt động của Ban giám đốc công ty năm 2020 là đáng khích lệ, trong bối cảnh kinh tế khó khăn ban giám đốc mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm và đã thành công trong việc chuyển đổi cơ cấu chủng loại sản phẩm sản xuất hàng chất lượng cao, hàng chống ẩm, chống cháy vv... góp phần nâng cao doanh số và hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội Đồng Quản Trị

Nằm trong chiến lược phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam giai đoạn 2010-2015 sản xuất 650.000 m³/năm. Công ty cổ phần gỗ MDF VRG Quảng trị là công ty con của Tập đoàn và được chọn là hạt nhân trong chiến lược phát triển đó. Vì vậy định hướng phát triển của công ty đã hoàn thành dự án sản xuất gỗ MDF công suất 120.000 m³/năm và định hướng mở rộng cho những năm tiếp theo tại các tỉnh thành khác.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị.

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT: 05 người, HĐQT họp theo định kỳ và đưa ra những Nghị quyết để Công ty thực hiện, các Nghị quyết của HĐQT đều được triển khai và thực hiện đầy đủ. Danh sách thành viên HĐQT, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và lý lịch trích ngang cụ thể sau:

a1) Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên	Ông Trương Minh Trung
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/12/1968
Nơi sinh	Xã Phú Hữu, Huyện Châu Thành, Tỉnh Cần Thơ.
Số chứng minh nhân dân	093068000095 cấp ngày 30/1/2018 nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Minh Lương, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang.
Địa chỉ thường trú	Số 225/23A Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.
Chỗ ở hiện nay	số 793/55/17E Trần Xuân Soạn, Phường Tân Hưng, Quận 7, TP. HCM.
Số điện thoại liên lạc	0913743009
Trình độ văn hóa	12/12

Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam; Chủ tịch HĐQT – Công ty CP MDF VRG Dongwha; Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH MTV cao su Chư Sê; Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH MTV cao su Tân Biên; Chủ tịch HĐQT- Công ty CP thủy điện Geruco Sông Côn.
Số cổ phần nắm giữ	24.165.096 cổ phần (43,85%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%) Đại diện phần vốn Nhà nước: 24.165.096 cổ phần (43,85%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a2) Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Ông Đỗ Hữu Phước
Giới tính	Nam
Ngày sinh	20/12/1968
Nơi sinh	Bình Định
Số chứng minh nhân dân	024677485 cấp ngày 11/5/2009 do CA TP HCM
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Tây Sơn – Bình Định
Địa chỉ thường trú	67/53A, Hoàng Hoa Thám, Phường 6, Bình Thạnh
Số điện thoại liên lạc	0918770395
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kỹ thuật
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng Ban Xây Dựng Cơ Bản Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su Việt Nam
Số cổ phần nắm giữ	14.319.613 cổ phần (26%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%) Đại diện phần vốn Nhà nước: 37.943.573 cổ phần

	(26%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a3) Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Ông Huỳnh Duy Hiến
Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/02/1983
Nơi sinh	Hòa Thành – Tây Ninh
Địa chỉ thường trú	Ấp Tân Trường, Xã Tân Hiệp, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản Trị Kinh Doanh
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng trị.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trưởng phòng KH-ĐT của Cty cổ phần Cao Su Tân Biên
Số lượng cổ phần nắm giữ	3.367.155 cổ phần (6,11%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%) • Đại diện phần vốn Nhà nước: 3.367.155 cổ phần (6,11%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a4) Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	Ông Nguyễn Chơn Biên
Giới tính	Nam
Ngày sinh	30/10/1981
Nơi sinh	Triệu Trung, Triệu Phong, Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Khu phố Tân Vĩnh, Phường Đông lương, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại	Ủy viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Kế toán trưởng - Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị.
Số lượng cổ phần nắm giữ	3.555.500 cổ phần (6,45%) Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> • Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (0%) • Đại diện phần vốn Nhà nước: 3.555.500 cổ phần (6,45%)
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a5) Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc (đã nêu trên)

b) Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị:

Thường niên Hội đồng Quản trị triệu tập cổ đông họp để biểu quyết các kết quả đạt được trong năm và kế hoạch định hướng cho hoạt động năm và các quyết định đầu tư thực hiện các dự án.

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

a1 Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên	Ông Lê Chiến Sỹ
Giới tính	Nam
Ngày sinh	06/02/1976
Nơi sinh	Triệu Độ - Triệu phong - Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Khu phố 3 - Phường 5 – Đông Hà - Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	- 3/2001-3/2007 Nhân viên kế toán Cty XD 78. - 4/2007-9/2008 Phó phòng kế toán Cty XD 78. - 10/2008-6/2009 Trợ Lý TGĐ Cty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị. - 6/2009-6/2010 Nhân viên Kế toán công ty cổ phần phân Vi sinh Quảng Trị. - 7/2010-3/2011 P Phòng kế toán Cty cổ phần Vi sinh Quảng Trị. - 4/2011-9/2014 Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính cty

	CP Vi sinh Quảng Trị. - 9/2014-3/2015 Trợ lý TGD kiêm kế toán Tổng hợp hợp dự án MDF dây chuyền 2 Cty MDF VRG Quảng Trị. - 3/2015 đến nay Trưởng Ban kiểm soát Cty cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị.
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

a2 Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Nguyễn Hồng Minh
Giới tính	Nam
Ngày sinh	23/11/1972
Nơi sinh	Nghệ An
Số chứng minh nhân dân	040072000129
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Ngọc Sơn, Huyện : Hiệp Hòa, Tỉnh : Bắc Giang.
Địa chỉ thường trú	525/2/3 Tân Sơn – Phường 12 – Quận Gò Vấp – TP. HCM
Số điện thoại liên lạc	0918643611
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử Nhân Kinh tế
Chức vụ hiện tại	Kiểm soát viên
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó Ban Tài chính - Kế Toán - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam
Quá trình công tác	- Tháng 08 năm 2004, Cơ quan tuyển dụng : Xí nghiệp Chế Biến Gỗ Đông Hòa trực thuộc Công ty Cổ phần Công nghiệp và XNK Cao su. - Từ tháng 1/2020 đến nay: Nhân viên Kế toán – Ban Tài chính - Kế Toán - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam - Từ 2020 đến nay phó Ban Tài chính - Kế Toán - Tập đoàn Công nghiệp Cao Su Việt Nam.
Bằng cấp	Cử nhân kinh tế
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

a3 Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Ông Nguyễn Hữu Trung
Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/08/1989
Nơi sinh	Gio Sơn – Gio Linh – Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	KP Tây Trì, phường I, TP Đông Hà, Quảng Trị
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó giám đốc - Kế toán xí nghiệp chế biến
Số lượng cổ phần nắm giữ	Không
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành	Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát họp để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát hàng tháng, quý, 6 tháng, năm kiểm tra các hoạt động của công ty và báo cáo trong các kỳ họp Hội đồng Quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc và ban kiểm soát.

2.1 Quyền lợi của Ban giám đốc:

Tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác thực hiện theo quy chế trả lương của Công ty.

3.2 Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Trương Minh Trung	Chủ tịch HĐQT	0	Thù lao
2	Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch HĐQT	0	Thù lao
3	Nguyễn Chơn Biên	Thành viên HĐQT	0	Thù lao
4	Huỳnh Duy Hiền	Thành viên HĐQT	0	Thù lao
5	Nguyễn Minh Đức	Thư ký HĐQT	12.000.000	Thù lao
6	Lê Chiến Sỹ	Trưởng Ban kiểm soát	223.256.215	Lương chuyên trách
7	Nguyễn Hữu Trung	Kiểm soát viên	18.000.000	Thù lao
8	Nguyễn Hồng Minh	Kiểm soát viên	18.000.000	Thù lao
9	Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc	354.583.405	Tiền lương
10	Nguyễn Văn Công	P. Tổng Giám đốc	256.088.075	Tiền lương
11	Nguyễn Thế Mai	P. Tổng Giám đốc	256.088.075	Tiền lương
12	Nguyễn Mạnh Cường	Kế Toán Trưởng	223.256.215	Tiền lương

Đối với các thành viên HĐQT đại diện vốn Nhà nước, tiền thù lao được chuyển về tổ chức nơi các thành viên đang làm việc.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán. Đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

2. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị Kiểm toán độc lập: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
 - Địa chỉ: Số 2, Ngách 31/26, Phố Trần Quốc Hoàn, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 02432002016

- **Ý kiến kiểm toán độc lập:** Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty gỗ MDF VRG Quảng Trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Trung tâm LKCK VN;
- Lưu VT, TC-KT

